THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đợt 1 năm 2019

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trường Đại học Nội vụ Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đợt 1 năm 2019 như sau:

1. Chuyên ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

<table>
<thead>
<tr>
<th>TT</th>
<th>Chuyên ngành</th>
<th>Mã số</th>
<th>Chỉ tiêu (Dự kiến)</th>
<th>Địa điểm tuyển sinh</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1.</td>
<td>Lưu trữ học</td>
<td>83.20.303</td>
<td>40</td>
<td>Hà Nội</td>
</tr>
<tr>
<td>2.</td>
<td>Chính sách công</td>
<td>83.40.402</td>
<td>80</td>
<td>Hà Nội</td>
</tr>
<tr>
<td>3.</td>
<td>Quản lý công</td>
<td>83.40.403</td>
<td></td>
<td>Hà Nội, TP. HCM</td>
</tr>
</tbody>
</table>

2. Hình thức, thời gian đào tạo

2.1. Hình thức đào tạo: Tập trung
2.2. Thời gian đào tạo: Hai năm (24 tháng)

3. Đối tượng và điều kiện dự thi:
Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:
3.1. Về văn bằng:
   a. Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi;
   b. Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi và đã học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học tại Trường Đại học Nội vụ Hà Nội;


c. Người tốt nghiệp đại học một số ngành khác được đăng ký dự thi chuyên ngành Chính sách công và Quản lý công sau khi học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học tại Trường Đại học Nghiên cứu Hà Nội;

d. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng tương đương.

3.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:

a. Người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành dùng, ngành phù hợp và ngành gần được dự thi ngay sau khi có quyết định công nhận tốt nghiệp;

b. Người tốt nghiệp đại học ngành khác đăng ký dự thi chuyên ngành Chính sách công và Quản lý công phải có tới thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi;

3.3. Lý lịch bán thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đăng làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

3.4. Có đủ sức khỏe để học tập.

3.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời gian theo quy định của Trường Đại học Nghiên cứu Hà Nội.

4. Danh mục ngành dùng, ngành gần, ngành khác (có danh sách kèm theo)

5. Môn thi tuyển sinh

Thi tuyển sinh bao gồm 3 môn, cụ thể như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>TT</th>
<th>Chuyên ngành</th>
<th>Môn Ngoại ngữ</th>
<th>Môn cơ bản</th>
<th>Môn cơ sở ngành</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1</td>
<td>Lưu trữ học</td>
<td>Tiếng Anh</td>
<td>Công tác văn thư</td>
<td>Lý luận và phương pháp công tác lưu trữ</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Quản lý công</td>
<td></td>
<td>Quản lý học đại cuộc</td>
<td>Lý luận chung về hành chính nhà nước</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Chính sách công</td>
<td></td>
<td>Chính trị học đại cuộc</td>
<td>Những vấn đề cơ bản về chính sách công</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Trường Đại học Nghiên cứu Hà Nội thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a. Cơ bằng tốt nghiệp đại học, học sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b. Cơ bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiến tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiến tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỳ tự chất lượng cao (PFIEV) được uy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng.
c. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d. Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận (theo Thông tư 15/2014/TT-BGDDT ngày 15/5/2014).

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

6.1. Đối tượng ưu tiên

a. Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biết phải công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b. Thương bình, người hưởng chính sách như thương bình;

c. Con liệt sĩ;

d. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

d. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục 6.1(a);

e. Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị di dời, di tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

6.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 6.1 của Thông báo này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Thông báo này và cộng một điểm cho môn cơ bản (thang điểm 10).

7. Hội sơ tuyển sinh

7.1. Don đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ học sĩ (theo mẫu);

7.2. Sơ yếu lý lịch (đấn án và đương đầu giải pháp) có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự nơi đăng làm việc (đối với thí sinh đăng làm việc cho cơ quan, đơn vị, tổ chức) hoặc của chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với thí sinh không làm việc cho cơ quan, đơn vị, tổ chức);

7.3. Bảng điểm đại học (01 bản sao có công chứng);

7.4. Bằng tốt nghiệp đại học (01 bản sao có công chứng) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (hoặc tương đương). Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng tương đương;

7.5. Giấy chứng nhận học bổ sung kiến thức do Trường Đại học Nơi vụ Hà Nội cấp hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương được Nhà trường công nhận;
7.6. Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, nếu thuộc một trong các trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ (01 bản sao công chứng);
7.7. Chứng minh thu nhận dân (01 bản sao có công chứng);
7.8. Giấy khám sức khỏe (01 bản chính của bệnh viện đa khoa quận huyện trở lên, không quá 6 tháng);
7.9. Bản sao có xác nhận các quyệt định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn của tuyển dụng đã chứng nhận thời gian làm việc công tác;
7.10. Các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (01 bản sao công chứng) (nếu có);
7.11. 02 ảnh 3x4 có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh của thí sinh ở mặt sau từng ảnh và Phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh (02 phong bì).

8. Thời gian và Địa điểm nhận hồ sơ:


8.2. Địa điểm nhận hồ sơ:
   a) Tại Hà Nội: Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội
      - Địa chỉ: Phòng B401, phố 36, đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội;
      - Điện thoại: (024) 37532864/108.
   b) Tại Thành phố Hồ Chí Minh: Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên, Phần hiệu Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại TP. Hồ Chí Minh;
      - Địa chỉ: số 181, đường Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh;
      - Điện thoại: (028) 39848818; Di động: 0909911070.

9. Tổ chức lôp học bổ sung kiến thức cho thí sinh ngành gần, ngành khác
   - Thời gian, địa điểm: Theo thông báo tuyển sinh lôp học bổ sung kiến thức cho thí sinh đăng ký dự thi tuyển sinh trình độ đặc sỉ các chuyên ngành.
   - Kinh phí các học phần bổ sung kiến thức: 493.000 đồng/tên chỉ

10. Thời gian, địa điểm thi tuyển sinh
    - Địa điểm thi:
      + Tại Hà Nội: Trường Đại học Nội vụ Hà Nội, phố 36, đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội.
      + Tại Thành phố Hồ Chí Minh: Phần hiệu Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại TP. Hồ Chí Minh, số 181, đường Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.
11. Mức thu phí tuyển sinh
11.1. Hồ sơ đăng ký dự thi: 60.000 đồng/hộ sở;
11.2. Lệ phí thi tuyển sinh: 120.000 đồng/môn/thi sinh;
11.3. Đối với thí sinh có nguyện vọng ôn thi: kinh phí 800.000đ/môn.
(Thí sinh đăng ký dự thi nộp các khoản thu cùng hồ sơ tuyển sinh. Nhà trường sẽ không hoàn trả lại các khoản đã thu).

Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi (số báo danh, phòng thi, lịch thi); kết quả tuyển sinh, danh sách thí sinh trúng tuyển; kế hoạch khai giảng khóa học và các thông tin có liên quan sẽ được niêm yết trên bảng tin và cập nhật trên website Trường Đại học Nội vụ Hà Nội: http://truongnoiv.edu.vn.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Các Chi cục Văn thư – Lưu trữ, Sở Nội vụ;
- Các Bộ, Ban, ngành TW (Vụ TCCB);
- Các UBND tỉnh, TP trực thuộc TW; các Sở, ban, ngành, trường chính trị tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Học viện, trường cao đẳng, đại học;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, SDH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Phương
DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐỨNG, NGÀNH PHỤ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC
CHUYÊN NGÀNH: LƯU TRỮ HỌC
(Ban hành kèm theo Thông báo số 62/TB-DHNV ngày 14 tháng 11 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông lụy Hà Nội)

<table>
<thead>
<tr>
<th>TT</th>
<th>Ngành</th>
<th>Mã số</th>
<th>Ghi chú</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1</td>
<td>Lưu trữ học</td>
<td>7320303</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Lưu trữ học và Quản trị văn phòng</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>Ngành gần A</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Bảo tàng học</td>
<td>7320305</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>Ngành gần B</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Thông tin – Thư viện (Thông tin học, Khoa học thư viện)</td>
<td>7320201</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Quản lý thông tin</td>
<td>7320205</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Lịch sử</td>
<td>7229010</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Sư phạm lịch sử</td>
<td>7140218</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>5</td>
<td>Văn hóa học</td>
<td>7229040</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>6</td>
<td>Quản lý nhà nước</td>
<td>7310205</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>7</td>
<td>Quản trị văn phòng</td>
<td>7340406</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>8</td>
<td>Hành chính học</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>TT</td>
<td>Ngành</td>
<td>Mã số</td>
<td>Ghi chú</td>
</tr>
<tr>
<td>----</td>
<td>-------</td>
<td>-------</td>
<td>---------</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Ngành đúng, ngành phù hợp</strong></td>
<td>Chuyên ngành Chính sách công của các ngành: Chính trị học, Quản lý nhà nước và các ngành khác</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Ngành gần</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Chính trị học</td>
<td>7310201</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước</td>
<td>7310202</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Quản lý nhà nước,</td>
<td>7310205</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Quan hệ quốc tế,</td>
<td>7310206</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>5</td>
<td>Khoa học quản lý</td>
<td>7340401</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>6</td>
<td>Quản lý công</td>
<td>7340403</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>7</td>
<td>Quản trị nhân lực</td>
<td>7340404</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>8</td>
<td>Hệ thống thông tin quản lý</td>
<td>7340405</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>9</td>
<td>Quản trị văn phòng</td>
<td>7340406</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>10</td>
<td>Quản hệ lao động</td>
<td>7340408</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>11</td>
<td>Quản lý dự án</td>
<td>7340409</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>12</td>
<td>Hành chính học</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Ngành khác</strong></td>
<td>Các ngành tốt nghiệp trình độ đại học không được quy định tại ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>TT</td>
<td>Ngành</td>
<td>Mã số</td>
<td>Ghi chú</td>
</tr>
<tr>
<td>----</td>
<td>-------------------------------------</td>
<td>--------</td>
<td>---------</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>Ngành dùng, ngành phù hợp</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Quản lý công</td>
<td>7340403</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Quản lý nhà nước</td>
<td>7310205</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Hành chính học</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>Ngành gần</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Chính trị học</td>
<td>7310201</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước</td>
<td>7310202</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Quan hệ quốc tế</td>
<td>7310206</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Khoa học quản lý</td>
<td>7340401</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>5</td>
<td>Quản trị nhân lực</td>
<td>7340404</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>6</td>
<td>Hệ thống thông tin quản lý</td>
<td>7340405</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>7</td>
<td>Quản trị văn phòng</td>
<td>7340406</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>8</td>
<td>Quan hệ lao động</td>
<td>7340408</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>9</td>
<td>Quản lí dự án</td>
<td>7340409</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>Ngành khác</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>Các ngành tốt nghiệp trình độ đại học không được quy định tại ngành dùng, ngành phù hợp và ngành gần</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>
ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỘT ...........NĂM .............

1. Họ và tên:............................................. Giới tính:.............................................
2. Ngày sinh: ..................................... Nơi sinh: .............................................
3. Dân tộc: ........................................... Quốc tịch: .............................................
4. Địa chỉ liên lạc: .............................................
5. Điện thoại CQ: .....................................NR: .............................................
   Di động: ............................................. Email: .............................................
6. Tốt nghiệp đại học:
   Hệ đào tạo: .....................................Xếp loại tốt nghiệp: .....................................Năm tốt nghiệp: .............................................
   Ngành, chuyên ngành đào tạo: .............................................
7. Tốt nghiệp đại học:
   Hệ đào tạo: .....................................Xếp loại tốt nghiệp: .....................................Năm tốt nghiệp: .............................................
   Ngành, chuyên ngành đào tạo: .............................................
8. Nghề nghiệp: .............................................Chức vụ: .............................................
9. Cơ quan công tác:
   Bắt đầu công tác từ tháng, năm: .............................................
10. Sở sung kiến thức tại Trường Đại học Nội vụ Hà Nội:
    Đợt ... Năm: ........... chuyên ngành: .............................................
11. Đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ:
    Chuyên ngành: ............................................. Mã số: .............................................
12. Chứng chỉ ngoại ngữ: ............................................. Cấp ngày: .............................................
   Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
   hoặc chính quyền địa phương nơi sinh cử trú .............................................
   ............................................. ngày........ tháng........ năm .............
   Người khai ký tên